UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP LÊN CAO ĐẲNG NGÀNH DƯỢC

I. DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO

1. Danh sách các phòng chức năng

Các thiết bị đào tạo ngành, nghề Dược trình độ cao đẳng được sắp xếp vào các phòng chức năng phục vụ đào tạo, bao gồm:

1. Phòng kỹ thuật cơ sở
2. Phòng thực hành máy vi tính
3. Phòng học Tiếng Anh
4. Phòng thực hành Y sinh
5. Phòng thực hành Thực vật - Dược liệu - Dược học cổ truyền
6. Phòng thực hành Hóa - Kiểm nghiệm
7. Phòng thực hành Dược lý - Dược lâm sàng
8. Phòng thực hành Bào chế
9. Phòng Thực hành bán thuốc

2. Mô tả các phòng chức năng

2.1. Phòng kỹ thuật cơ sở

Phòng học kỹ thuật cơ sở là phòng được trang bị các thiết bị sử dụng để dạy và học các nội dung lý thuyết và những nội dung thực hành đơn giản của các môn học, mô đun của ngành, nghề. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 35 sinh viên.

2.2. Phòng thực hành máy vi tính

Phòng thực hành máy vi tính là phòng dùng để dạy và học môn Tin học cơ sở. Phòng cũng được sử dụng để hỗ trợ nội dung thực hành của các môn học, mô đun khác như Dược lâm sàng, Kỹ năng giao tiếp bán hành Dược phẩm… có sử dụng máy vi tính, mạng máy tính và các chương trình máy tính (phần mềm). Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.3. Phòng học Tiếng Anh

Phòng học Tiếng Anh là phòng dùng để dạy và học Tiếng Anh (tiếng nước ngoài) trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phòng được trang bị các thiết bị hiển thị hình ảnh, phát âm thanh, ghi âm và các loại học liệu để học và thực hành sử dụng Tiếng Anh. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.4. Phòng thực hành Y sinh

Phòng thực hành Y sinh là phòng tích hợp được sử dụng để dạy và học các môn học liên quan đến y học như Giải phẫu, Bệnh học, Vi sinh ký sinh v.v... Bên cạnh đó, phòng còn được sử dụng để hỗ trợ sinh viên trong quá trình thực hiện sơ cứu cơ bản. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.5. Phòng thực hành Thực vật - Dược liệu - Dược cổ truyền

Phòng thực hành Thực vật - Dược liệu - Dược cổ truyền là phòng tích hợp được sử dụng để dạy và học các môn học, mô đun liên quan đến Thực vật, Dược liệu và Dược cổ truyền. Phòng được trang bị các thiết bị, dụng cụ, học liệu để nhận thức hình thái thực vật, dược liệu, vị thuốc cổ truyền; định tính, định lượng các hoạt chất trong dược liệu và vị thuốc. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.6. Phòng thực hành Hóa - Kiểm nghiệm

Phòng thực hành Hóa - Kiểm nghiệmlà phòng tích hợp được sử dụng để dạy và học các môn học, mô đun liên quan đến lĩnh vực Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích, Hóa dược, Kiểm nghiệm. Phòng được trang bị các thiết bị, dụng cụ, học liệu để thực hành các phản ứng hóa học xác định thành phần, tính chất của các hợp chất vô cơ, hữu cơ, tiến hành các phương pháp định tính, định lượng nguyên liệu làm thuốc, pha các loại thuốc thử, kiểm nghiệm chất lượng mẫuthuốc, nguyên liệu làm thuốc. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.7. Phòng thực hành Dược lý – Dược lâm sàng

Phòng thực hành Dược lý – Dược lâm sàng là phòng thực hành được sử dụng để dạy và học các môn liên quan đến Dược lý, Dược lâm sàng. Phòng được trang bị các thiết bị, dụng cụ, học liệu để thực hiện các thí nghiệm tác dụng dược lý của thuốc, thực hành nhận biết các nội dung trên nhãn thuốc, tra cứu các thông tin về thuốc... và hướng dẫn sử dụng các thuốc, nhóm thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.8. Phòng thực hành Bào chế

Phòng thực hành Bào chế là phòng thực hành được sử dụng để dạy và học môn học, mô đun liên quan đến bào chế, sản xuất các dạng thuốc cơ bản. Phòng được trang bị các thiết bị, dụng cụ, học liệu để sinh viên thực hành pha chế, sản xuất các dạng thuốc cơ bản theo quy trình; thực hành kĩ năng vận hành, vệ sinh, bảo quản thiết bị. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.9. Phòng thực hành bán thuốc

Phòng thực hành bán thuốc là phòng để sinh viên thực hành các kĩ năng sắp xếp,

trưng bày, bảo quản, cấp phát/bán, hướng dẫn tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, vật tư y tế. Phòng phải đáp ứng được mô hình một cơ sở bán lẻ thuốc đạt chuẩn "Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc". Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

3. Tổng hợp các thiết bị đào tạo theo từng phòng chức năng

3.1. Phòng kỹ thuật cơ sở

- Số lượng phòng: 2
- Diện tích: 73m2/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu	Bộ	1
3	Máy in	Chiếc	1
4	Máy photo	Chiếc	1
5	Máy scan	Chiếc	1
6	Mô hình cơ thể bán thân có nội tạng	Bộ	8
7	Mô hình giải phẫu tim	Bộ	8
8	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	3
9	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	3
10	Mô hình giải phẫu não	Bộ	3
11	Túi cấp cứu	Túi	1
12	Ẩm kế	Chiếc	1
13	Nhiệt kế phòng	Chiếc	1
14	Bộ Atlat giải phẫu các cơ quan (hô hấp, tiết niệu, thần kinh, sinh dục…)	Bộ	1
15	Bộ ảnh mẫu thực vật	Bộ	1
	Ảnh cây thuốc	*Bộ*	*1*
	Ảnh vi phẫu lá cây, Thân cây, Rễ cây	*Bộ*	*1*
	Sơ đồ cấu tạo lá cây, Thân cây, Rễ cây	*Bộ*	*1*
	Ảnh hoa, quả và hạt, tế bào mô	*Bộ*	*1*
	Ảnh hình thái lá cây, thân cây, rễ cây	*Bộ*	*1*
16	Các chế phẩm thuốc	Bộ	1
17	Vỏ hộp thuốc và thuốc mẫu đại diện các nhóm thuốc theo danh mục thuốc thiết yếu hiện hành)	Bộ	1
18	Đơn thuốc mẫu theo nhóm bệnh	Bộ	1
19	Dược thư quốc gia Việt Nam	Quyển	1
20	MIMS	Quyển	1
31	Thuốc biệt dược và cách sử dụng	Quyển	1
22	Luật dược	Quyển	1
23	Các văn bản quy phạm pháp luật tại cơ sở bán lẻ thuốc	Bộ	1

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
24	Bộ Quy trình thao tác chuẩn (SOP) trong cơ sở bán lẻ thuốc	Bộ	1
25	Mẫu Phiếu nhập – xuất hàng – hóa đơn	Phiếu	1
26	Mẫu Phiếu lĩnh thuốc/hóa chất/vật tư y tế	Phiếu	1
27	Các loại hồ sơ sổ sách theo quy định "Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc"	Bộ	1
28	Phần mềm quản lý nhà thuốc	Bộ	1
29	Các phần mềm tra cứu thông tin hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	1
30	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	1

3.2. Phòng thực hành máy vi tính

- Số lượng phòng: 01
- Diện tích: 73m2/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	33
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	02
3	Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office	Bộ	01
4	Bộ phần mềm phông chữ tiếng Việt	Bộ	01
5	Phần mềm diệt virus	Bộ	01
6	Máy Scanner	Chiếc	01
7	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01
8	Máy in	Chiếc	01
9	Phần mềm quản lý nhà thuốc	Bộ	01
10	Các phần mềm tra cứu thông tin hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	01

3.3. Phòng Tiếng Anh

- Số lượng phòng: 01
- Diện tích: 73m2/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bàn điều khiển	Chiếc	01
2	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	01
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	01
4	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	01
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
6	Máy vi tính	Bộ	19
7	Tai nghe	Bộ	54
8	Máy scanner	Chiếc	01
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01

3.4. Phòng thực hành Y sinh

- Số lượng phòng: 02
- Diện tích: 73m2/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Kính hiển vi quang học	Chiếc	35
2	Máy vi tính	Bộ	1
3	Máy chiếu	Bộ	2
4	Mô hình cơ thể bán thân có nội tạng	Bộ	8
5	Mô hình giải phẫu toàn thân	Bộ	4
6	Mô hình giải phẫu tim	Bộ	5
7	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	4
8	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	3
9	Mô hình giải phẫu não	Bộ	5
10	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	9
11	Ống nghe	Chiếc	9
12	Nhiệt kế y tế	Chiếc	12
13	Máy đo huyết áp	Chiếc	12
14	Bộ tiêu bản mẫu trứng các loại giun, sán	Bộ	9
15	Túi cấp cứu	Túi	9
16	Bộ vòi rửa cấp cứu	Bộ	1
17	Bộ Atlat giải phẫu các cơ quan (hô hấp, tiết niệu, thần kinh, sinh dục…)	Bộ	3

3.5. Phòng thực hành Hóa - Kiểm nghiệm

- Số lượng phòng: 3
- Diện tích: 73m2/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ cân	Bộ	1
	Cân kĩ thuật	Chiếc	3
	Cân phân tích	Chiếc	3
2	Máy quang phổ UV - VIS	Bộ	1
3	Tủ hút khí độc phòng thí nghiệm	Chiếc	1
5	Bể điều nhiệt	Chiếc	1
6	Máy đo điểm chảy	Chiếc	1
7	Phân cực kế	Chiếc	1
8	Máy đo pH	Chiếc	2
9	Máy chuẩn độ đo thế	Chiếc	1
10	Máy khuấy từ gia nhiệt	Chiếc	1
11	Máy ly tâm	Chiếc	1
12	Bộ thiết bị lọc hút chân không đồng bộ (bình	Bộ	4

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	hút chân không, máy hút chân không, phễu lọc)		
13	Thiết bị thử độ hòa tan	Bộ	1
14	Thiết bị thử độ rã	Bộ	1
15	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc	1
16	Tủ an toàn sinh học	Chiếc	1
17	Tủ ấm	Chiếc	1
18	Tủ lạnh	Chiếc	1
19	Tủ sấy	Chiếc	1
20	Tủ âm sâu	Chiếc	1
21	Lò nung	Chiếc	1
22	Máy vi tính	Bộ	1
23	Máy chiếu	Bộ	1
24	Máy in	Chiếc	1
25	Hệ thống sắc kí lỏng hiệu năng cao (HPLC) (Thực tập tại Doanh nghiệp)	HT	1
26	Bể rửa siêu âm	Chiếc	1
27	Đèn tử ngoại soi bản mỏng	Chiếc	1
28	Máy đo độ cứng của viên	Chiếc	1
29	Máy đo độ mài mòn của viên	Chiếc	1
30	Máy lắc tròn	Chiếc	1
31	Bình đựng dung môi chạy sắc ký	Chiếc	2
32	Dụng cụ phun thuốc thử	Chiếc	1
33	Ống mao quản chấm sắc kí	Chiếc	54
34	Ẩm kế	Chiếc	1
35	Nhiệt kế	Chiếc	9
36	Nhiệt kế phòng	Chiếc	1
37	Bộ lọ đựng hóa chất đếm giọt	Bộ	1
	Loại không màu	Lọ	30
	Loại tối màu	Lọ	25
38	Bộ lọ đựng hóa chất nút mài	Bộ	1
	Loại không màu	Lọ	6
	Loại tối màu	Lọ	15
39	Bộ bình đựng nước cất	Bộ	1
	Loại 1 lít	Chiếc	10
	Loại 20 lít	Chiếc	1

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
40	Micropipet	Chiếc	6
41	Bộ Pipet có bầu	Bộ	9
	Loại 1 ml	Chiếc	1
	Loại 2 ml	Chiếc	1
	Loại 5 ml	Chiếc	1
	Loại 10ml	Chiếc	1
42	Bộ Pipet chia vạch	Bộ	6
	Loại 1ml	Chiếc	1
	Loại 5ml	Chiếc	1
	Loại 10ml	Chiếc	1
	Loại 20ml	Chiếc	1
43	Pipet Pasteur	Chiếc	20
44	Quả bóp cao su	Chiếc	20
45	Bộ bình định mức có nút mài	Bộ	1
	Loại 50ml	Chiếc	20
	Loại 100ml	Chiếc	20
	Loại 250 ml	Chiếc	6
	Loại 500ml	Chiếc	6
46	Bộ ống đong	Bộ	1
	Loại 5ml	Chiếc	20
	Loại 10ml	Chiếc	20
	Loại 25 ml	Chiếc	20
	Loại 50ml	Chiếc	20
	Loại 100ml	Chiếc	15
	Loại 1000ml	Chiếc	10
47	Bộ cốc chân	Bộ	1
	Loại 100 ml	Chiếc	20
	Loại 250 ml	Chiếc	15
	Loại 1000 ml	Chiếc	5
48	Bộ cốc có mỏ	Bộ	1
	Loại 100 ml	Chiếc	36
	Loại 250 ml	Chiếc	20
	Loại 1000 ml	Chiếc	3
49	Bộ cối chày	Bộ	20
50	Đũa thuỷ tinh	Chiếc	20

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
51	Mặt kính đồng hồ	Chiếc	20
52	Chén sứ	Chiếc	20
53	Bộ đèn cồn, kiềng ba chân và lưới amiăng	Bộ	20
54	Giá lọc	Bộ	6
55	Bộ phễu lọc	Bộ	1
	Loại phễu φ 5 - 7cm	Chiếc	20
	Loại phễuφ10 - 15cm	Chiếc	10
56	Bộ bình nón có nút mài	Bộ	1
	Bình nón có nút mài 100ml	Chiếc	36
	Bình nón có nút mài 250 ml	Chiếc	18
57	Bộ bình nón thường (không có nút mài)	Bộ	1
	Bình nón 100ml	Chiếc	36
	Bình nón 250 ml	Chiếc	18
58	Buret 25 ml	Chiếc	20
59	Giá đỡ buret, kẹp buret	Bộ	30
60	Bộ bình lắng gạn	Bộ	18
	Loại 50 ml	Chiếc	6
	Loại 100 ml	Chiếc	6
61	Bộ khay đựng	Bộ	1
	Loại 20 x 30 cm	Chiếc	20
	Loại 30 x 40 cm	Chiếc	10
62	Bộ giá đựng, ống nghiệm	Bộ	1
	Bộ giá đựng, ống nghiệm 5 ml	Bộ	10
	Bộ giá đựng, ống nghiệm 10 ml	Bộ	10
	Bộ giá đựng, ống nghiệm 20 ml	Bộ	10
	Kẹp ống nghiệm	Chiếc	20
63	Ống nghiệm so sánh	Chiếc	10
64	Ống mao quản đo độ chảy	Chiếc	54
65	Kẹp ống nghiệm	Chiếc	20
66	Đĩa petri	Cặp	36
67	Ống nghiệm có nắp vặn 20 ml	cái	20
68	Hộp lồng sấy đĩa petri	cái	3
69	Que cấy platin	cái	2
70	Que cấy polymer (nhựa)	cái	18
71	Que chang (tam giác)	cái	2

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
72	Kính bảo vệ mắt	Chiếc	18
73	Tủ đựng hóa chất	Chiếc	4
74	Chậu thủy tinh	Chiếc	6
75	Túi cấp cứu	Túi	1
76	Bộ vòi rửa cấp cứu	Bộ	1
77	Bản Quy trình thực hiện phản ứng hóa học	Bản	10
78	Bản Quy trình kỹ thuật kiểm nghiệm hóa dược, dạng thuốc …	Bản	10
79	Dược điển Việt Nam	Quyển	10
80	Hướng dẫn sử dụng các thiết bị (cân, máy quang phổ UV-VIS, máy đo pH, máy đo điểm chảy, HPLC,…)	Tờ	5

3.6. Phòng thực hành Thực vật -Dược liệu - Dược học cổ truyền

- Số lượng phòng: 2
- Diện tích: 73m2/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Kính hiển vi quang học	Chiếc	18
2	Bộ cân	Bộ	1
	Cân kỹ thuật	Chiếc	6
	Cân phân tích	Chiếc	2
3	Cân xác định hàm ẩm	Chiếc	1
4	Bếp đun bình cầu	Chiếc	4
5	Bể điều nhiệt	Chiếc	1
6	Tủ sấy	Chiếc	2
7	Tủ sấy chân không	Chiếc	1
8	Đèn tử ngoại soi bản mỏng	Chiếc	1
9	Tủ hút khí độc phòng thí nghiệm	Chiếc	1
10	Máy vi tính	Bộ	1
11	Máy chiếu	Bộ	1
12	Máy in	Chiếc	1
13	Máy hút ẩm	Chiếc	1
14	Máy hàn túi PE	Chiếc	1
15	Cân đĩa đồng hồ	Chiếc	1
16	Bộ lọ đựng hóa chất có nút mài đếm giọt	Bộ	1
	Loại không màu	Lọ	30
	Loại tối màu	Lọ	25
17	Bình đựng dung môi chạy sắc ký	Chiếc	2
18	Dụng cụ phun thuốc thử	Chiếc	1

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
19	Khay sứ trắng	Chiếc	10
20	Bình cầu có sinh hàn ngược	Chiếc	1
21	Bộ Soxhlet	Bộ	1
22	Bộ dụng cụ cất tinh dầu	Bộ	4
23	Bộ bình lắng gạn	Bộ	1
	Loại 50 ml	Chiếc	6
	Loại 100 ml	Chiếc	6
24	Bộ Pipet có bầu	Bộ	1
	Loại 1 ml	Chiếc	1
	Loại 2 ml	Chiếc	1
	Loại 5 ml	Chiếc	1
25	Bộ ống đong	Bộ	1
	Loại 5 ml	Chiếc	2
	Loại 10 ml	Chiếc	2
	Loại 500 ml	Chiếc	2
	Bộ Pipet chia vạch	Chiếc	6
26	Bộ bình định mức	Bộ	1
	Loại 25 ml	Chiếc	10
	Loại 100 ml	Chiếc	10
27	Pipet Pasteur	Chiếc	36
28	Bộ cốc có mỏ	Bộ	1
	Loại 100 ml	Chiếc	10
	Loại 250 ml	Chiếc	10
29	Bộ cốc chân	Bộ	1
	Loại 250 ml	Chiếc	10
	Loại 500 ml	Chiếc	3
30	Đũa thủy tinh	Chiếc	10
31	Giá lọc	Bộ	6
32	Bộ phễu lọc	Bộ	1
	Loại phễu φ 5-7 cm	Chiếc	10
	Loại phễu φ10 -15 cm	Chiếc	5
33	Bộ bình nón có nút mài		
	Loại 100 ml	Chiếc	10
	Loại 250 ml	Chiếc	9
	Loại 500 ml	Chiếc	9
35	Bộ cối chày	Chiếc	6
36	Bình hút ẩm	Chiếc	2
37	Dao	Chiếc	2

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
38	Bộ dụng cụ cắt tiêu bản cầm tay (trục cắt, dao cắt)	Bộ	6
39	Kim mũi mác	Chiếc	20
40	Phiến kính/lamen	Hộp	10
41	Chén sứ	Chiếc	15
42	Mặt kính đồng hồ	Chiếc	36
43	Bộ đèn cồn, kiềng ba chân và lưới amiăng	Bộ	20
44	Hộp lồng petri	Chiếc	18
45	Kính lúp	Chiếc	6
46	Bộ giá đựng, ống nghiệm	Bộ	1
	Bộ giá đựng, ống nghiệm 5 ml	Bộ	6
	Bộ giá đựng, ống nghiệm 10 ml	Bộ	6
	Bộ giá đựng, ống nghiệm 20 ml	Bộ	6
	Kẹp ống nghiệm	Chiếc	20
47	Bộ khay đựng	Bộ	1
	Loại 20 x 30 cm	Chiếc	18
	Loại 30 x 40 cm	Chiếc	6
48	Bộ bình đựng nước cất	Bộ	1
	Loại 1 lít	Chiếc	10
	Loại 20 lít	Chiếc	3
49	Chậu thủy tinh	Chiếc	6
50	Bếp	Chiếc	3
51	Chảo	Chiếc	3
52	Thuyền tán	Chiếc	2
53	Dao cầu	Chiếc	3
54	Bộ chiết xuất ngấm kiệt	Bộ	2
55	Ấm sắc thuốc	Chiếc	6
56	Bộ cối chày	Bộ	9
57	Bộ rây	Chiếc	6
58	Bộ ảnh mẫu thực vật		1
	Ảnh cây thuốc	Bộ	1
	Ảnh vi phẫu lá cây, Thân cây, Rễ cây	Bộ	1
	Sơ đồ cấu tạo lá cây, Thân cây, Rễ cây	Bộ	1
	Ảnh hoa, quả và hạt, tế bào mô	Bộ	1
	Ảnh hình thái lá cây, thân cây, rễ cây	Bộ	1
59	Bộ Tiêu bản mẫu thực vật	Bộ	8
60	Cây thuốc nam	Loài	70
61	Bản Quy trình kỹ thuật sử dung kính hiển vi,	Bộ	1

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	thiết bị máy móc …		

3.7. Phòng thực hành Dược lý - Dược lâm sàng

- Số lượng phòng: 2
- Diện tích: 73m2/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bộ cân	Bộ	1
	Cân kĩ thuật	Chiếc	1
	Cân thường	Chiếc	1
2	Máy vi tính có kết nối mạng internet	Bộ	1
3	Máy chiếu	Bộ	1
4	Máy in	Chiếc	1
5	Cốc chân 100 ml	Chiếc	6
6	Bộ ống đong	Bộ	6
	Loại 5ml	Chiếc	1
	Loại 10ml	Chiếc	1
7	Pipet Pasteur	Chiếc	10
8	Bộ khay đựng	Bộ	1
	Loại 20 x 30 cm	Chiếc	18
	Loại 30 x 40 cm	Chiếc	4
9	Bộ bình đựng nước cất	Bộ	1
	Loại 1 lít	Chiếc	10
	Loại 20 lít	Chiếc	2
10	Bộ cốc có mỏ	Bộ	6
	Loại 100ml	Chiếc	10
	Loại 250 ml	Chiếc	10
11	Đũa thủy tinh	Chiếc	20
12	Bộ dụng cụ mổ động vật thí nghiệm (kéo, panh, bàn giữ, dao)	Bộ	6
13	Ống nghe	Chiếc	6
14	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	8
15	Chậu thủy tinh	Chiếc	6
16	Hộp giữ chuột để tiêm	Chiếc	6
17	Lồng nhốt chuột	Chiếc	2
18	Kim đầu tù (cho chuột uống thuốc)	Chiếc	18
19	Hộp giữ thỏ để tiêm thuốc	Chiếc	3
20	Lồng nhốt thỏ	Chiếc	2

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
21	Bộ chế phẩm thuốc	Bộ	9
22	Đơn thuốc mẫu theo nhóm bệnh	Bộ	18
23	Dược thư quốc gia Việt Nam	Quyển	6
24	MIMS	Quyển	6
25	Thuốc biệt dược và cách sử dụng	Quyển	6
26	Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định	Quyển	6
27	Các bản mềm tra cứu thông tin hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	1

3.8. Phòng thực hành Bào chế

- Số lượng phòng: 3
- Diện tích: 73m2/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bể điều nhiệt	Chiếc	1
2	Bộ cân	Bộ	1
	Cân kỹ thuật	Chiếc	6
	Cân phân tích	Chiếc	2
3	Máy nghiền trục (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
4	Máy rây rung (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
5	Máy trộn bột khô, bột ẩm (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
6	Máy kiểm tra độ dẻo của bột (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
7	Máy xát hạt (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
8	Máy chỉnh hạt (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
9	Máy dập viên 1 chày	Chiếc	1
10	Máy bao phim	Chiếc	1
11	Máy đo độ cứng viên nén	Chiếc	1
12	Hệ thống trộn đùn vo, tạo cầu (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
13	Máy mở vỏ nang	Chiếc	1
14	Máy đóng nang (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
15	Thiết bị thử độ rã	Bộ	1
16	Thiết bị thử độ hòa tan	Chiếc	1
17	Máy ép vỉ (doanh nghiệp)	Chiếc	
18	Máy hàn túi PE	Chiếc	1
19	Thiết bị kiểm tra độ kín của bao bì (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
20	Máy đóng tuýp thuốc mỡ (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
21	Máy khuấy từ gia nhiệt	Chiếc	1
22	Máy lọc nén	Chiếc	1
23	Máy soi độ trong	Chiếc	1
24	Máy ép nút nhôm	Chiếc	1
25	Máy cất nước	Chiếc	1
26	Hệ thống xử lý nước RO	Chiếc	1
27	Tủ lạnh	Chiếc	1
28	Tủ sấy	Chiếc	1
29	Tủ hút khí độc phòng thí nghiệm	Chiếc	1
30	Máy đo pH	Chiếc	1
31	Máy đo hàm ẩm	Chiếc	1
32	Máy quang phổ UV-VIS	Chiếc	1
33	Bộ chiết xuất ngấm kiệt	Bộ	1
34	Bộ cô cao dược liệu	Bộ	1
36	Máy vi tính	Bộ	1
37	Máy chiếu	Bộ	1
38	Máy in	Cái	1
39	Alcol kế bách phân	Chiếc	20
40	Nhiệt kế bách phân	Chiếc	20
41	Phù kế Baume	Chiếc	20
42	Bộ rây	Bộ	2
43	Bộ cối chày	Bộ	20
	Loại cối φ10	Bộ	1
	Loạicối φ15	Bộ	1
	Loại cối φ20	Bộ	1
44	Bộ cốc chân	Bộ	20
	Loại100ml	Chiếc	1
	Loại 250ml	Chiếc	1
45	Bộ cốc có mỏ	Bộ	20
	Loại 100ml	Chiếc	1
	Loại 200ml	Chiếc	1
	Loại 500ml	Chiếc	1
	Loại 1000ml	Chiếc	1

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
46	Bộ đèn cồn, kiềng ba chân và lưới amiăng	Bộ	20
47	Đũa thủy tinh	Chiếc	30
48	Giá lọc	Chiếc	20
49	Bộ Phễu lọc	Chiếc	1
	Loại phễu φ 5 - 7cm	Chiếc	20
	Loại phễu φ10 - 15cm	Chiếc	10
50	Bộ khay đựng	Bộ	1
	Loại 20x30 cm	Chiếc	18
	Loại 40x50cm	Chiếc	2
51	Bộ ống đong	Bộ	20
	Loại 10ml	Chiếc	1
	Loại 100ml	Chiếc	1
	Loại 250ml	Chiếc	1
	Loại 500ml	Chiếc	1
	Pipet Pasteur	Bộ	15
52	Quả bóp cao su	Chiếc	20
53	Mặt kính đồng hồ	Chiếc	54
54	Bộ khuôn thuốc	Bộ	2
	Khuôn thuốc đạn	Chiếc	10
	Khuôn thuốc trứng	Chiếc	6
55	Khuôn đóng nang thủ công	Bộ	10
56	Bộ chiết xuất ngấm kiệt	Bộ	1
57	Bộ cô cao dược liệu	Bộ	1
58	Chảo	Chiếc	6
59	Bếp	Chiếc	6
60	Bát sứ, thìa sứ	Bộ	18
61	Bộ bình đựng nước cất	Bộ	1
	Loại 1 lít	Chiếc	10
	Loại 20 lít	Chiếc	2
62	Bản Quy trình vận hành thiết bị	Bộ	5
63	Bản Quy trình kỹ thuật bào chế các dạng thuốc	Bộ	8

3.9. Phòng Thực hành bán thuốc

- Số lượng phòng:1
- Diện tích: 73m2/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
2	Máy chiếu	Bộ	1
	Máy in	Chiếc	1
3	Máy hút ẩm không khí	Chiếc	1
4	Điều hòa nh độ	Chiếc	1
5	Tủ lạnh	Chiếc	1
6	Hệ thống tủ quầy, giá, kệ trưng bày, bảo quản thuốc	Bộ	1
7	Bàn, ghế tư vấn	Bộ	1
8	Bồn rửa tay	Chiếc	1
9	Ghế ngồi chờ	Chiếc	9
10	Tủ ra lẻ thuốc	Bộ	1
11	Nhiệt kế, ẩm kế tự ghi	Chiếc	3
12	Bình cứu hỏa	Bình	2
13	Khay đếm thuốc	Chiếc	6
14	Máy tính	Chiếc	4
15	Nhiệt kế y tế	Chiếc	6
16	Máy đo huyết áp	Chiếc	6
17	Vỏ hộp thuốc và thuốc mẫu đại diện các nhóm thuốc theo danh mục thuốc thiết yếu hiện hành)	Bộ	1
18	Các đơn thuốc thực hành hoặc mô phỏng	Bộ	1
19	Mẫu Phiếu nhập – xuất hàng – hóa đơn	Phiếu	10
20	Mẫu Phiếu lĩnh thuốc/hóa chất/vật tư y tế	Phiếu	20
21	Bộ Quy trình thao tác chuẩn (SOP) trong cơ sở bán lẻ thuốc	Bộ	9
22	Luật dược	Quyển	6
23	Các văn bản quy phạm pháp luật tại cơ sở bán lẻ thuốc	Bộ	6
24	Dược thư Quốc gia	Quyển	6
25	Tra cứu sử dụng Thuốc và biệt dược	Quyển	6
26	Phần mềm quản lý nhà thuốc	Bộ	1
27	Các loại hồ sơ sổ sách theo quy định "Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc"	Bộ	1
28	Thuốc thực hành	Nhóm	30

II. NHÀ GIÁO

1. Tổng số nhà giáo Cao đẳng liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Dược: 93
2. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 350/93
3. Danh sách nhà giáo

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
1	Hồ Lương Nhật Vinh	Thạc sỹ dược	x		Quản trị kinh doanh và kinh tế dược; Quản trị kinh doanh dược

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
2	Đỗ Thị Huyền Trang	Dược sỹ đại học	x		Quản trị kinh doanh và kinh tế dược; Quản trị kinh doanh dược
3	Dương Thị Phương	Dược sỹ đại học	x		Quản trị kinh doanh và kinh tế dược; Quản trị kinh doanh dược
4	Dương Thị Thúy Ngân	Dược sỹ đại học	x		Quản trị kinh doanh và kinh tế dược; Quản trị kinh doanh dược
5	Bùi Thị Quỳnh Nga	Dược sỹ đại học	x		Hóa dược; Khởi tạo doanh nghiệp
6	Vũ Thị Thùy Dương	Dược sỹ đại học	x		Hóa dược; Khởi tạo doanh nghiệp
7	Cao Hoàng Hải	Dược sỹ đại học	x		Hóa dược; Khởi tạo doanh nghiệp
8	Lưu Thị Hồng Vân	Dược sỹ đại học	x		Hóa dược; Khởi tạo doanh nghiệp
9	Hoàng Hải Yến	Dược sỹ đại học	x		Bào chế; Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng
10	Hoàng Thị Kim Luyến	Dược sỹ đại học	x		Bào chế; Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng
11	Hoàng Thu Trang	Dược sỹ đại học	x		Bào chế; Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng
12	Lương Đức Thịnh	Dược sỹ đại học	x		Bào chế; Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng
13	Hà Vũ Huy	Thạc sỹ	x		Hoá hữu cơ; Dược lâm sàng; Thực tập tốt nghiệp
14	Lý Thu Thương	Dược sỹ đại học	x		Hoá hữu cơ; Dược lâm sàng; Thực tập tốt nghiệp
15	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Dược sỹ đại học	x		Hoá hữu cơ; Dược lâm sàng; Thực tập tốt nghiệp
16	Nguyễn Thị Mười	Dược sỹ đại học	x		Hoá hữu cơ; Dược lâm sàng; Thực tập tốt nghiệp
17	Nguyễn Thị Thắng	Dược sỹ đại học	x		Hoá hữu cơ; Dược lâm sàng; Thực tập tốt nghiệp
18	Trần Thị Thu Huyền	Dược sỹ đại học	x		Hoá hữu cơ; Dược lâm sàng; Thực tập tốt nghiệp
19	Lê Thanh Liêm	Dược sỹ đại học	x		Pháp chế dược; Bào

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
					chế
20	Lê Thanh Nghị	Dược sỹ đại học	x		Pháp chế dược; Bào chế
21	Lê Thị Nhật Ánh	Dược sỹ đại học	x		Pháp chế dược; Bào chế
22	Lê Thu Hoài	Dược sỹ đại học	x		Pháp chế dược; Bào chế
23	Hoàng Thị Tuyết Mai	Cao đẳng dược	x		Pháp chế dược; Bào chế
24	Triệu Hải	Dược sỹ CKI	x		Dược lý; Dược liệu
25	Vũ Thị Nguyên	Dược sỹ đại học	x		Dược lý; Dược liệu
26	Phan Phương Hằng	Thạc sỹ Y học	x		Dược lý; Dược liệu
27	Triệu Thị Dung	Dược sỹ đại học	x		Dược lý; Dược liệu
28	Khúc Thị Tuyết Hường	Thạc sỹ Y học	x		Thực tập cộng đồng
29	Nguyễn Minh Tuấn	PGS -TS Y học	x		Thực tập cộng đồng
30	Nguyễn Thanh Hòa	Bác sỹ YHDP	x		Thực tập cộng đồng
31	Nguyễn Văn Quang	Bác sỹ YHDP	x		Thực tập cộng đồng
32	Trần Ngọc Thúy	Thạc sỹ Y học	x		Thực tập cộng đồng
33	Lê Hải Yến	Thạc sỹ	x		Thực tập cộng đồng
34	Nguyễn Đức Toàn	Bác sỹ YHDP	x		Thực tập cộng đồng
35	Nguyễn Thị Thái Hà	Thạc sỹ Y học	x		Thực tập cộng đồng
36	Bùi Thị Hương Quỳnh	CN Y tế công cộng	x		Thực tập cộng đồng
37	Bùi Duy Hưng	Thạc sỹ Y học	x		Thực tập cộng đồng
38	Hoàng Anh Tuấn	Tiến sỹ Y học	x		Thực tập cộng đồng
39	Hoàng Tư Nghĩa	Bác sỹ YHDP	x		Thực tập cộng đồng
40	Lê Hòa Bình	Thạc sỹ	x		Giáo dục Chính trị, Pháp luật
41	Nguyễn Thị Lệ Ninh	Thạc sỹ	x		Giáo dục Chính trị, Pháp luật
42	Vũ Thị Hương Trà	Cử nhân	x		Giáo dục Chính trị, Pháp luật
43	Hoàng Thị Thủy	Tiến sỹ	x		Giáo dục Chính trị, Pháp luật
44	Vũ Thị Lệ	Cử nhân	x		Giáo dục Chính trị, Pháp luật
45	Trịnh Thị Mai	Thạc sỹ	x		Giáo dục Chính trị, Pháp luật
46	Nguyễn Thị Phương Thùy	Thạc sỹ	x		Giáo dục Chính trị, Pháp luật
47	Nguyễn Thị Thúy Hường	Thạc sỹ	x		Giáo dục Chính trị, Pháp luật
48	Nguyễn Thị Thu Hường	Thạc sỹ	x		Tiếng Anh
49	Dương Thị Thanh Hoà	Cử nhân Trung Anh	x		Tiếng Anh
50	Vũ Thị Hòa	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
51	Vũ Thị Hồng Nhung	Cử nhân Tiếng	x		Tiếng Anh

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
		Anh			
52	Cầm Thị Kiều Anh	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
53	Hoàng Thị Thu Hoài	Thạc sỹ Tiếng anh	x		Tiếng Anh
54	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
55	Nguyễn Thị Kim Liên	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
56	Nguyễn Thị Mai Lương	Cử Nhân Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
57	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
58	Phạm Thị Thủy	Cử nhân Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
59	Phạm Thị Việt Hà	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
60	Hoàng Thị Mỹ Dung	Thạc sỹ	x		Tiếng Anh
61	Lường Thị Thời	Cử nhân Điều dưỡng	x		Dược cổ truyền
62	Nguyễn Xuân Tùng	Cử nhân Điều dưỡng	x		Dược cổ truyền
63	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thạc sỹ Y học	x		Dược cổ truyền
64	Hoàng Việt Dũng	Thạc sỹ Y học	x		Dược cổ truyền
65	Đào Thị Dân	BS Chuyên Khoa I	x		Dược cổ truyền
66	Dương Thị Quyên	Bác sỹ YHCT	x		Dược cổ truyền
67	Nguyễn Xuân Huỳnh	Bác sỹ YHCT	x		Dược cổ truyền
68	Trần Thị Hải	Bác sỹ YHCT	x		Dược cổ truyền
69	Nguyễn Khắc Hoạch	CN GDTC-GDQP AN	x		GDQP-AN
70	Ngô Minh Đức	CN GDTC-GDQP AN	x		GDQP-AN
71	Trần Tuấn Đạt	CN GDTC-GDQP AN	x		GDQP-AN
72	Trịnh An Toàn	CN GDTC-GDQP AN	x		GDQP-AN
73	Vũ Duy Dương	CN GDTC-GDQP AN	x		GDQP-AN
74	Nguyễn Quốc Hùng	Tiến sỹ CNTT	x		Tin học
75	Nguyễn Văn Ngân	Cử nhân CNTT	x		Tin học
76	Đỗ Thị Thanh Hải	Thạc sỹ CNTT	x		Tin học
77	Hoàng Thị Kim Oanh	Thạc sỹ CNTT	x		Tin học
78	Lê Việt Anh	Cử nhân tin học	x		Tin học
79	Nguyễn Hùng Cường	Kỹ sư CNTT	x		Tin học
80	Nguyễn Ngọc Chiến	Cử nhân CNTT	x		Tin học
81	Trần Thị Thơm	Cử nhân CNTT	x		Tin học
82	Trần Thu Thủy	Thạc sỹ CNTT	x		Tin học

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
83	Nguyễn Thị Hà Giang	Bác sỹ YHDP	x		Hóa sinh
84	Nguyễn Văn Tỉnh	Thạc sỹ Y học	x		Hóa sinh
85	Ngô Thúy Hà	Thạc sỹ Y học	x		Hóa sinh
86	Phạm Thị Ngọc Diệp	Thạc sỹ Sinh học	x		Hóa sinh
87	Tạ Phương Thùy	Thạc sỹ Sinh học	x		Hóa sinh
88	Hoàng Thị Thúy Hằng	Tiến sỹ Sinh học	x		Hóa sinh
89	Lê Thị Huyền Trang	Bác sỹ YHDP	x		Hóa sinh
90	Ngô Thị Hiếu	Thạc sỹ Y học	x		Hóa sinh
91	Hoàng Thị Tuyết	BS Chuyên Khoa I	x		Hóa sinh
92	Đinh Đức Thọ	Cử nhân Kỹ Thuật Y học	x		Hóa sinh
93	Đào Thị Huệ	Chuyên khoa I xét nghiệm	x		Hóa sinh

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP LÊN CAO ĐẲNG NGÀNH DƯỢC

Tên ngành: DƯỢC
Mã ngành: 6720201
Trình độ đào tạo: Cao đẳng
Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học
Đối tượng tuyển sinh: Người có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành Dược và bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
Thời gian đào tạo: 1,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người dược sỹ là nhân lực trực tiếp cho các nghiệp vụ Dược tại các cơ sở y tế, cơ sở sản xuất, kinh doanh Dược phẩm, cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học về ngành Dược, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ cao đẳng; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Đào tạo người dược sỹ có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ cao đẳng và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành Dược; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cao đẳng Dược, sinh viên sẽ làm việc trong các cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế, Viện kiểm nghiệm, trung tâm

kiểm nghiệm thuốc, thực phẩm, mỹ phẩm…); cơ sở sản xuất, kinh doanh Dược ... của nhà nước hoặc tư nhân.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 21
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 60 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 150 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1230 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 512 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 790 giờ

3. Nội dung chương trình:

TT	Mã môn học	Tên môn học, Mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng	Trong đó		
					LT	TH	Kiểm tra
	I	**Các môn chung/đại cương**					
1	MH117	Giáo dục chính trị	3	45	26	16	3
2	MH118	Pháp luật	1	15	9	5	1
3	MH119	Giáo dục quốc phòng và An ninh	1	30	15	14	1
4	MH120	Tin học	1	30	0	29	1
5	MH121	Tiếng Anh	2	30	12	16	2
		Tổng	8	150	62	80	8
	II.1	**Môn học, mô đun cơ sở**					
6	MĐ50	Hoá sinh	2	45	14	28	3
7	MH345	Hoá hữu cơ	4	90	28	56	6
		Tổng	6	135	42	84	9
	II.2	**Môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề**					
8	MH346	Dược lý	4	75	43	28	4
9	MĐ53	Bào chế	4	90	28	56	6
10	MH126	Bệnh học	3	45	42	0	3
11	MĐ54	Hóa dược	4	90	28	56	6
12	MH128	Quản trị kinh doanh và kinh tế dược	3	45	42	0	3
13	MH347	Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng	4	75	43	28	4
14	MH136	Dược lâm sàng	3	45	42	0	3
15	MH133	Pháp chế dược	3	45	42	0	3
16	MĐ56	Dược cổ truyền	4	75	42	28	5
17	MH137	Thực tập tốt nghiệp	10	450	0	430	20
18		Tự chọn 1 (Chọn 1 trong các học phần sau)	2	30	28	0	2
18a	MH232	*Khởi tạo doanh nghiệp*					
18b	MH233	*Kỹ thuật soạn thảo văn bản*					
18c	MH234	*Tiếng Anh chuyên ngành*					
18d	MH235	*Phương pháp nghiên cứu*					

TT	Mã môn học	Tên môn học, Mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng	Trong đó		
					LT	TH	Kiểm tra
		khoa học trong y học					
19		Tự chọn 2 (chọn 1 trong các học phần chuyên sâu)	2	30	28	0	2
19a	MH236	*Quản trị kinh doanh dược*					
19b	MH239	*Dược liệu*					
		Tổng	46	1095	408	626	61
		Tổng toàn chương trình	**60**	**1380**	**512**	**790**	**78**

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Căn cứ vào điều kiện cụ thể và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thực hiện theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình đào tạo.

4.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Dược và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành Dược theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn